

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 3352/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục và đào tạo; quy chế thi, tuyển sinh; hệ thống văn bằng, chứng chỉ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 5756/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 361/QĐ-BGDĐT ngày 01/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2069/TTr-SGDĐT ngày 29/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 40 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực giáo dục và đào tạo; quy chế thi, tuyển sinh; hệ thống văn bằng, chứng chỉ và 10 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 01/8/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ

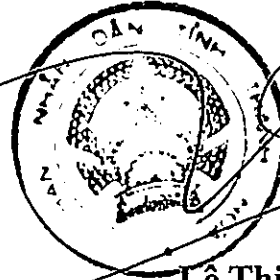
tục hành chính mới ban hành thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / .*qu*


Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Cục KSTTHC-VPCP (Bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Công thông tin điện tử tỉnh (Để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



cham
[Signature]
Lê Thị Thìn


**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TỈNH THANH HÓA**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3352/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính (Số hồ sơ TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo					
1	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục (BGD-THA-285372)	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
2	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục (BGD-THA-285373)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục

3	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại (BGD-THA-285375)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở (BGD-THA-285374)	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
5	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường) (BGD-THA-285376)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
6	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú (BGD-THA-285388)	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục

			UBND cấp huyện		
7	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục (BGD-THA-285389)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
8	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú (BGD-THA-285390)	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
9	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú (BGD-THA-285391)	Không quy định	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
10	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục (BGD-THA-285383)	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục

			UBND cấp huyện		
11	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (BGD-THA-285384)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại (BGD-THA-285387)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
13	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (BGD-THA-285385)	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
14	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục

	(BGD-THA-285386)		phòng HĐND-UBND cấp huyện		
15	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng (BGD-THA-285370)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
16	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (BGD-THA-285371)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
17	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (BGD-THA-285392)	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
18	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều

	hoặc cho phép thành lập trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ dân lập, tư thục (BGD-THA-285378)		tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện		kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
19	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục (BGD-THA-285379)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
20	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại (BGD-THA-285382)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
21	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (BGD-THA-285380)	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
22	Giải thể trường mẫu	10 ngày làm việc, kể từ	Trung tâm Hành	Không	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP

	giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) (BGD-THA-285381)	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện		ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục
23	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học cơ sở (BGD-THA-285284)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm
24	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (BGD-THA-285279)	Không quy định	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; - Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.
25	Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp	Không	Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm

	học tập” cấp xã (BGD-THA-285282)		huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện		2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã
26	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu (BGD-THA-28580)	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia
27	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở (BGD-THA-285268)	Không quy định	- Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện (Đối với trường hợp chuyển trường đến từ tỉnh, thành phố khác); - Trường trung học cơ sở (Đối với trường hợp chuyển trường trong cùng	Không	Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2002 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông

			tỉnh, thành phố);		
28	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở (BGD-THA-285273)	Không quy định	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	Không	- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; - Thông tư số 17/2003/TT-BGD&ĐT ngày 28/4/2003 hướng dẫn Điều 3, Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số 88/2001/NĐ-CP ngày 22/11/2001 của Chính phủ về thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
29	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở (BGD-THA-285274)	Không quy định	Trung tâm Giáo dục thường xuyên nơi đối tượng học bổ túc xin chuyển đến.	Không	Thông tư số 17/2003/TT-BGDĐT ngày 28/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn Điều 3, Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số 88/2001/NĐ-CP ngày 21/11/2001 của Chính phủ về thực hiện phổ cập giáo dục Trung học cơ sở.
30	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học (BGD-THA-285281)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trường Tiểu học nơi học sinh chuyển đến	Không	Thông tư số 50/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 40; bổ sung điều 40a của Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày

					30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học.
31	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (BGD-THA-285399)	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở cho học sinh được chi trả, cấp phát hằng tháng. - Gạo được cấp cho học sinh theo định kỳ nhưng không quá 2 lần/học kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở giáo dục nơi học sinh đề nghị hỗ trợ đang theo học. (Tiếp nhận hồ sơ của học sinh) - Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện (Đối với hồ sơ của Cơ sở giáo dục) 	Không	Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn
32	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người (BGD-THA-285403)	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập: Thời hạn ra quyết định là 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn. - Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Thời hạn ra quyết định 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập: nộp hồ sơ tại Các cơ sở giáo dục nơi trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên đang theo học; - Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh 	Không	Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

		là 40 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học	viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện.		
33	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo (BGD-THA-285407)	Việc chi trả kinh phí hỗ trợ ăn trưa được thực hiện 2 lần trong năm học: Lần 1 chi trả đủ 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11 hằng năm; lần 2 chi trả đủ 5 tháng vào tháng 2 hoặc 3 hằng năm.	Cơ sở giáo dục mầm non nơi trẻ em đang theo học	Không	Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non.
34	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (đối với nhà trẻ, nhóm trẻ; trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp cao nhất là trung học cơ sở, phổ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa

	thông dân tộc bán trú và trung tâm học tập cộng đồng) (BGD-THA-285232)				
35	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (BGD-THA-285216)	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện	Không	Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia
36	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục (BGD-THA-285297)	Việc chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật được thực hiện 2 lần trong năm: lần 1 chi trả vào tháng 9 hoặc tháng 10, tháng 11; lần 2 chi trả vào tháng 3 hoặc tháng 4, tháng 5. Việc chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập phải đảm bảo thuận tiện cho người khuyết tật đi học. Trường hợp người học chưa nhận được chế độ theo thời hạn quy	- Đối với người khuyết tật học tại cơ sở giáo dục công lập (trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý), nộp hồ tại: Cơ sở giáo dục công lập người khuyết tật đang học. - Đối với người khuyết tật học tại cơ sở giáo dục ngoài công lập: + Người khuyết tật học tại cơ sở giáo	Không	Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

		định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo	dục trực thuộc cấp huyện quản lý và người khuyết tật có hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện, đang học tại các cơ sở giáo dục đại học, trung cấp chuyên nghiệp trong phạm vi cả nước, nộp hồ sơ tại: Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện.		
37	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên (BGD-THA-285239)	a) Phương thức chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập. Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập được cấp không quá 9 tháng/năm học và chi trả 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc	1. Đối với người học tại các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập: Nộp hồ sơ tại cơ sở giáo dục nơi theo học. 2. Đối với người học tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, giáo dục nghề	Không	Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo

		<p>tháng 4. b) Phương thức chi trả tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với người học ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế Kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được cấp không quá 9 tháng/năm học (đối với học sinh mầm non và phổ thông), 10 tháng/năm học (đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp giáo dục đại học) và thực hiện 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả 4 tháng (đối với học sinh mầm non và phổ thông), 5 tháng (đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4. Trường hợp cha mẹ</p>	<p>nghiep và giáo dục đại học ngoài công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế: Nộp hồ sơ tại: - Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện</p>		<p>dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.</p>
--	--	--	---	--	--

		(hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông, học sinh, sinh viên chưa nhận tiền cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.			
II. Lĩnh vực quy chế thi, tuyển sinh					
1	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (đối với trường PTDTNT cấp huyện đào tạo cấp trung học cơ sở) (BGD-THA-285294)	Không quy định	Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND cấp huyện.	Không	Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú
III. Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ					
1	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở) (BGD-THA-285248)	- Ngay trong ngày cơ quan tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 03 (ba) giờ chiều. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau	- Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện;	Không	Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bản giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân

		<p>khi cơ quan nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến;</p> <p>- Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều sổ gốc, yêu cầu số lượng nhiều bản sao, nội dung văn bản, chứng chỉ phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan không thể đáp ứng được thời hạn ngay trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 03 (ba) giờ chiều thì thời hạn cấp bản sao được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu cấp bản sao.</p>			
2	<p>Chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ (Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở) (BGD-THA-285250)</p>	<p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện</p>	<p>Không</p>	<p>Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bản giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ</p>

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ TTHC

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo			
1	T-THA-260687-TT	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
2	T-THA-243537-TT	Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập	
3	T-THA-243538-TT	Sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ dân lập	
4	T-THA-243539-TT	Cho phép hoạt động giáo dục đối với nhà trường, nhà trẻ dân lập	
5	T-THA-243540-TT	Giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập	
6	T-THA-127718-TT	Tiếp nhận học sinh Việt Nam về nước cấp THCS	
7	T-THA-127716-TT	Tiếp nhận học sinh nước ngoài cấp THCS	
8	T-THA-127717-TT	Đình chỉ hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn	
9	T-THA-127714-TT	Thành lập Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn	
10	T-THA-127713-TT	Giải thể Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn	